TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2019/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 29 tháng 03 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T - Sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm 5, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Văn B - Sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm 5, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn B có 02 con chung là Lê Quỳnh Đ, sinh ngày 31- 7- 2010 và Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 19- 6- 2012. Ly hôn, chị T và anh B thoả thuận thống nhất giao con chung là Lê Quỳnh Đ, sinh ngày 31- 7- 2010 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và giao con chung Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 19- 6- 2012 cho anh B trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chị T và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn B thống nhất tự giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về công nợ: Chị Ngô Thị T và anh Lê Văn B thống nhất vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0003246 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, chị Ngô Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX Q;
- Chi Cục THADS TX Q;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga